

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Thu hoạch vụ mùa: Tính đến 15/10/2023 bà con nông dân trong tỉnh đã thu hoạch xong các cây trồng chính vụ mùa. Ước tính kết quả sản xuất vụ một số cây trồng chính vụ mùa như sau:

Tên chỉ tiêu	Diện tích (Ha)	Năng suất (Tạ/ha)	Sản lượng (Tấn)	Tốc độ tăng so vụ mùa 2022 (%)		
				Diện tích	Năng suất	Sản lượng
1. Lúa	23,548.80	56.70	133,511.25	99.21	102.25	101.45
2. Ngô (bắp)	1,539.79	46.58	7,171.95	85.51	99.76	85.31
3. Khoai lang	154.93	94.62	1,465.95	89.52	100.97	90.39
4. Đậu tương	105.93	18.50	195.98	110.07	97.68	107.52
5. Lạc (đậu phộng)	530.60	19.60	1,039.97	109.48	97.33	106.56
6. Rau các loại	2,482.54	197.26	48,970.75	97.69	102.25	99.88

Tiến độ gieo trồng vụ đông: Tính đến trung tuần tháng Mười, toàn tỉnh đã gieo trồng được 11.729,2 ha cây trồng các loại, đạt 79,25% kế hoạch, tăng 2,48% so với cùng kỳ.

b. Chăn nuôi

Tháng 10/2023, tình hình sản xuất chăn nuôi được duy trì ổn định, tuy nhiên ngành vẫn phải đối mặt với những khó khăn do biến động giá và các yếu tố thị trường, đặc biệt là chăn nuôi lợn¹. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 10 ước đạt 10.218 tấn, tăng 2,67% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng

¹ Trong 5 tháng đầu năm, giá lợn hơi duy trì ở mức thấp, giao động ở mức 49.000 đồng/kg đến 52.000 đồng/kg. Từ cuối tháng 5 đến tháng 9, giá lợn bắt đầu tăng và giữ ổn định ở mức 58.000/kg đồng đến 62.000/kg đồng/kg. Tuy nhiên sáng tháng Mười, giá thịt lợn hơi trên địa bàn đang có xu hướng giảm về mức 48.000 đồng/kg đến 50.000 đồng/kg.

đầu năm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 108.702 tấn, tăng 2,92%; sản lượng thịt trâu bò hơi tiếp tục xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao, ước đạt 5.675 tấn, giảm 3,3%; thịt lợn hơi ước đạt 69.123 tấn, tăng 3,14%; thịt gia cầm hơi ước đạt 33.903 tấn, tăng 3,6%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 49.400 tấn, tăng 7,86%; trứng gia cầm ước đạt 613,19 triệu quả, tăng 9,98% so với cùng kỳ.

Trong tháng, công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm được thực hiện chặt chẽ, trên địa bàn tỉnh hiện chưa phát hiện ổ dịch bệnh truyền nhiễm.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng 10/2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 40,4 ha, giảm 22,46% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.572 m³, tăng 2,31%; sản lượng củi ước đạt 4,196 Ste, tăng 0,97%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 83,2 nghìn cây. Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng nhìn chung được thực hiện tốt. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Tính chung 10 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 700 ha, giảm nhẹ so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 39.296 m³, tăng 2,86%; sản lượng củi khai thác ước đạt 40.597 Ste, tăng 0,97%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 805,6 nghìn cây, tăng 28,93% so cùng kỳ.

1.3. Sản xuất thủy sản

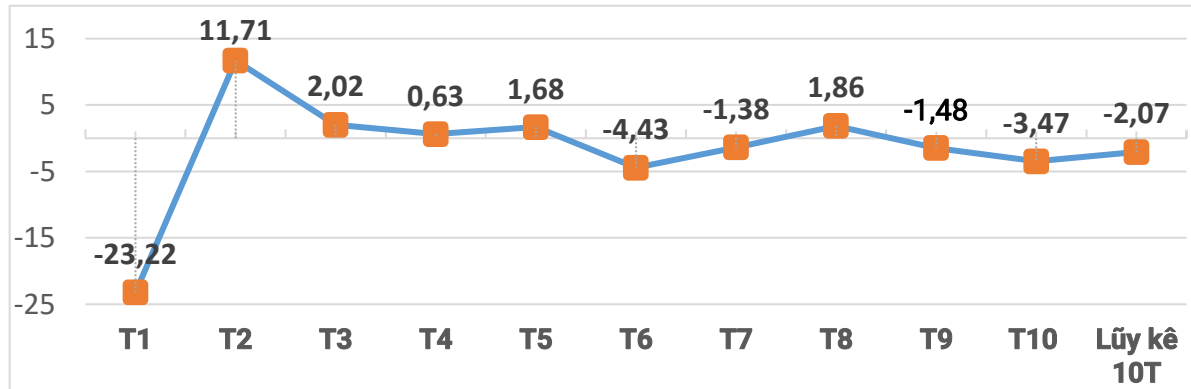
Tháng 10/2023, tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 1.782,3 tấn, tăng 2,99%; trong đó, sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.619,2 tấn, tăng 3,17%; sản lượng khai thác ước đạt 163,1 tấn, tăng 1,30%. Số con giống thủy sản sản xuất ước đạt 81 triệu con, tăng 3,18% so với cùng kỳ. Cộng dồn mười tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 20.222 tấn, tăng 3,29%; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 18.644 tấn, tăng 3,48%, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.578 tấn, tăng 1,14%; sản xuất giống thủy sản được 3.042,95 triệu con, tăng 1,44% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 10/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn ổn định, sản lượng và đơn hàng mới ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tăng so với tháng trước. Nhưng nhìn chung, sản xuất công nghiệp của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh tình hình kinh tế - chính trị thế giới vẫn tồn tại nhiều bất ổn khiến tổng cầu sụt giảm. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) của tỉnh tuy tăng khá so với tháng trước song vẫn giảm so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng, IIP giảm 2,07% so với 10 tháng năm 2022. Trong các ngành công nghiệp chủ lực: Ngành sản xuất ô tô sau gần bốn tháng thực hiện chính sách ưu đãi lệ phí trước bạ

của Chính phủ có hiệu lực, sức mua ô tô được nhận định chưa đạt như kỳ vọng. Trong khi đó, ngành sản xuất linh kiện điện tử đang ghi nhận mức giảm 2 tháng liên tiếp và ngành sản xuất xe máy có IIP giảm 8 tháng liên tiếp so với so cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Tháng 10/2023, IIP ước tính tăng 8,20% so với tháng trước và giảm 3,47% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, ngành Khai khoáng tăng 15,38%, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,60%, ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 0,21%, ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,86%.

Tính chung 10 tháng đầu năm, ước tính IIP giảm 2,07% so với cùng kỳ. Trong các ngành công nghiệp cấp II: Ngành dệt và ngành sản xuất da, các sản phẩm liên quan ghi nhận giảm lần lượt 15,35% và 17,59% do nhu cầu tiêu thụ thấp, lạm phát cao, người dân hạn chế mua sắm các mặt hàng không thiết yếu; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại và ngành sản xuất kim loại cũng giảm tương ứng 26,17% và 6,32% do người dân hạn chế đầu tư xây dựng nhà ở và thị trường bất động sản chưa phục hồi; sản xuất xe có động cơ và sản xuất phương tiện vận tải chưa phục hồi giảm lần lượt 25,69% và 10,44%. Riêng ngành sản xuất linh kiện điện tử vẫn ghi nhận tăng trưởng tuy nhiên chỉ tăng 5,87%, mức tăng thấp hơn do nhu cầu tiêu dùng suy giảm, một số hãng công nghệ lớn như Samsung, Apple, Dell phải cắt giảm sản lượng, giảm lượng đơn đặt hàng từ các nhà cung cấp.

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 10/2023, ngoài thức ăn gia súc và xe ô tô các loại có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm giày thể thao các loại với mức giảm 21,64%. Tính chung 10 tháng, hầu hết sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh như thức ăn gia súc, giày thể thao, gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe máy các loại đều giảm so với cùng kỳ; riêng doanh thu linh kiện điện tử tăng 5,87% nhưng đây là mức tăng thấp nhất của 10 tháng đầu năm giai đoạn 2019 - 2023.

**Tốc độ tăng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)**



Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 10/2023 tăng 3,42% so với tháng trước và tăng 2,11% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,91%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 0,96% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,58% so với cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2023 ước tăng 2,76% so với tháng trước và giảm 2,32% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 12 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng, một số ngành có mức tăng khá là: Ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 13,14%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện tăng 18,79%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 14,70%; sản xuất xe có động cơ tăng 19,44%. 06 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, giảm mạnh nhất là sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic và sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu với mức giảm lần lượt là 12,55% và 22,05%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 10/2023, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số tồn kho tăng 10,91% so với tháng trước và tăng 44,82% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện giảm 9,88%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 6,57%.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

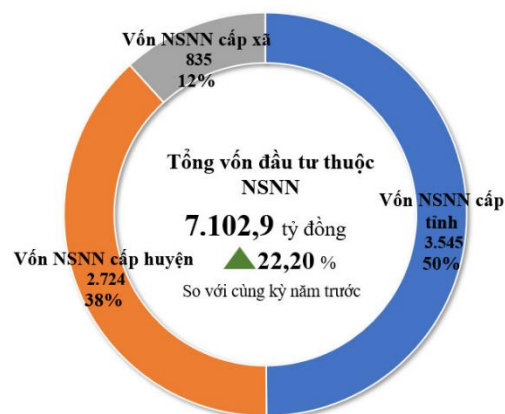
Trong bối cảnh giá nguyên vật liệu xây dựng (VLXD) liên tục biến động, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường, tăng tần suất công bố giá VLXD, không để việc tăng giá

VLXD gây ảnh hưởng tới tiến độ thi công các công trình, dự án. Kết quả thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2023 ước đạt 1.184,6 tỷ đồng, tăng 16,49% so với tháng trước, tăng 29,51% so với tháng cùng kỳ năm trước, bằng 10,96% kế hoạch giao. Tăng khá ở cả 3 cấp ngân sách: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 646,7 tỷ đồng, tăng 8,04%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 398,3 tỷ đồng, tăng 49,37%, vốn ngân sách cấp xã đạt 139,6 tỷ đồng, tăng 182,27% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng đầu năm, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 7.102,9 tỷ đồng, tăng 22,20%, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tăng cao so với cùng kỳ, đạt 65,74% kế hoạch giao (cùng kỳ năm 2022 chỉ đạt 59,27% kế hoạch).

Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cao nhất ở các công trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài (ODA) với 281,2 tỷ đồng, hoàn thành 71,01% kế hoạch giao. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.544,6 tỷ đồng, tăng 7,29%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 2.723,7 tỷ đồng, tăng 29,15%, vốn ngân sách cấp xã đạt 834,6 tỷ đồng, tăng 108,76% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu vốn đầu tư thuộc nguồn NSNN do địa phương quản lý 10 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp

Hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh 10 tháng đầu năm 2023 tăng cao về số lượng dự án và nguồn vốn đăng ký ở cả hai khu vực đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) so với cùng kỳ năm trước và vượt mục tiêu kế hoạch năm.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/10/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 29 dự án DDI (13 dự án cấp mới, 16 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 21,28 nghìn tỷ đồng, tăng 115,49%, tăng chủ yếu ở các dự án điều chỉnh tăng vốn đăng ký với 16,98 nghìn tỷ đồng tăng thêm, tăng gấp 11 lần so với cùng kỳ năm trước. Các dự án đăng ký điều chỉnh vốn tập trung chủ yếu ở ngành dịch vụ với 14,38 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký, chiếm 84,70%; ngành công nghiệp là 2,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 15,31% tổng vốn đăng ký điều chỉnh. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được 65 dự án (24 dự án cấp mới, 41 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 557,73 triệu USD, tăng 78,48% so với cùng kỳ. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành

mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 61/65 dự án. Các đối tác đầu tư truyền thống (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc) vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Đặc biệt vốn đầu tư của các nhà đầu tư Đài Loan tăng mạnh (đạt 176,18 triệu USD, chiếm 31,59% tổng vốn đăng ký), đứng đầu trong các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh trong 10 tháng đầu năm 2023.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới 10 tháng đầu năm 2023 đạt mức cao nhất so với cùng thời điểm giai đoạn 2020-2023, cao gấp 1,2 lần so với bình quân chung giai đoạn này (1.083 doanh nghiệp). Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến ngày 15/10/2023, toàn tỉnh có 1.246 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 9.404 tỷ đồng, dự kiến giải quyết việc làm cho 8.034 lao động, tăng 10,95% về số doanh nghiệp, nhưng giảm 7,95% số lao động và giảm 54,19% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Các ngành dịch vụ là nhóm có mức tăng cao nhất với một số ngành có số lượng doanh nghiệp tăng cao so với cùng kỳ như: Ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 120%; ngành giáo dục tăng 100%; ngành vận tải kho bãi tăng 44,68%; thông tin và truyền thông tăng 40%;...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng đầu năm 2023 là 318 doanh nghiệp, giảm 12,40% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.564 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 160 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động). Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng. Trong kỳ có 787 doanh nghiệp, tăng 35,69% so với cùng kỳ, bao gồm 673 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 114 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Trung bình mỗi tháng có 78 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 10/2023, thị trường hàng hóa trên địa bàn trong tháng ổn định, không có biến động lớn về mức giá, sản phẩm đa dạng, chủng loại và mẫu mã phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Kết quả kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt với doanh thu tiếp tục tăng so với tháng trước và tăng khá so với cùng kỳ

4.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 10/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 6.980,5 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng Chín và tăng 11,11% so với cùng kỳ. Cụ thể:

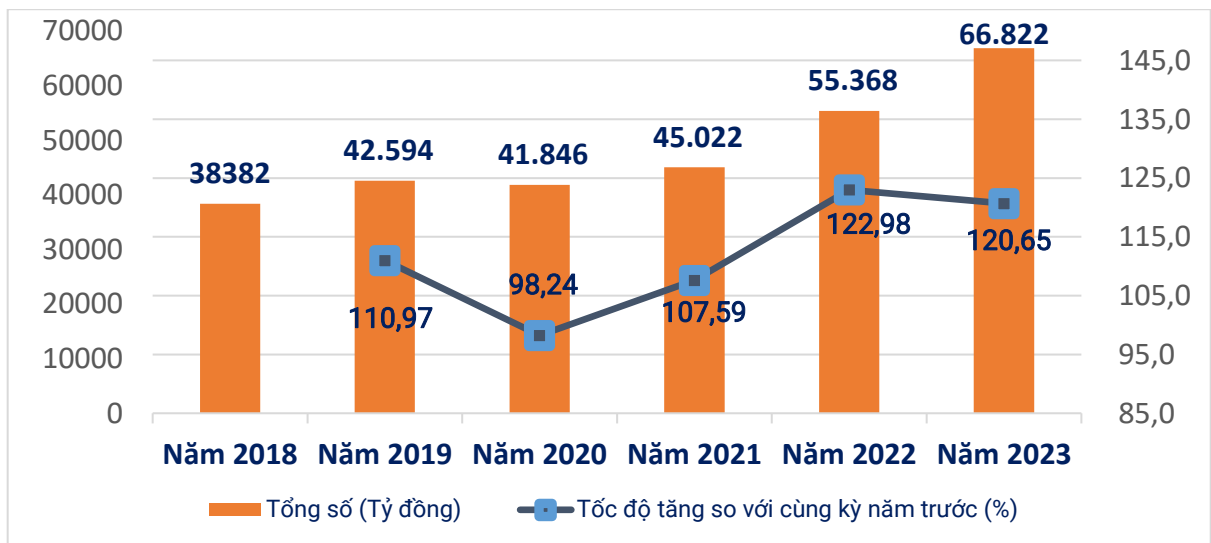
Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.958,9 tỷ đồng, chiếm 85,37% tổng mức, tăng 2,45% so với tháng trước và tăng 10,53% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 612,2 tỷ đồng, chiếm 8,77% tổng mức, so với tháng Chín và so với cùng kỳ lần lượt là tăng 0,67% và tăng 6,26%, trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 1,39% và giảm 7,99%; doanh thu dịch vụ ăn uống tăng 1,56% và tăng 21,03%; doanh thu du lịch lữ hành giảm 11,75% và tăng 26,53%.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 409,3 tỷ đồng, chiếm 5,86% tổng mức, tăng 0,94% so tháng Chín và tăng 12,24% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 66.822,4 tỷ đồng, tăng 20,65% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 56.929,3 tỷ đồng, tăng 17,99%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 5.993,8 tỷ đồng, tăng 51,78%; doanh thu các ngành dịch vụ khác đạt 3.899,3 tỷ đồng, tăng 22,26% so với 10 tháng đầu năm 2022.

Quy mô và tốc độ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng



4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 10/2023, hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vận chuyển hành khách và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, 06 tuyến xe buýt đã hoạt động trở lại sau hơn một năm tạm ngừng, giúp cải thiện đi lại cho người dân, giảm ùn tắc giao thông, và tăng doanh thu ngành vận tải hành khách đường bộ. Doanh thu toàn ngành vận tải ước đạt 572,1 tỷ đồng, tăng 24,92% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể như sau:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 87,40 tỷ đồng, tăng 5,73% so với cùng kỳ với trên 2,07 triệu lượt khách vận chuyển tăng 18,33% và 138,1 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 40,58% so cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 451,65 tỷ đồng, tăng 29,90% so với cùng kỳ, đạt 5,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển tăng 39,52% và 374,3 triệu tấn.km hàng hoá luân chuyển tăng 32,05% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng đầu năm, doanh thu vận tải ước đạt 4.992,8 tỷ đồng, tăng 18,47% so với cùng kỳ. Vận tải hành khách đạt gần 19,3 triệu lượt khách, tăng 19,83% và 1.187,4 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 24,23% so với cùng kỳ. Vận tải hàng hóa đạt gần 45,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 33,23%; luân chuyển ước đạt 3.282 triệu tấn.km, tăng 38,38% so với cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá

Nguồn cung các mặt hàng thực phẩm dồi dào, trong khi nhu cầu tiêu thụ của người dân có phần chững lại làm cho giá thực phẩm giảm, cùng với đó, giá xăng dầu, điện, nước sinh hoạt và giá vật liệu xây dựng có chung xu hướng giảm đã tác động làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2023 giảm 0,43% so với tháng trước, giảm 0,53% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao trong tháng đầu năm nhưng có xu hướng giảm dần², tính bình quân 10 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,62% so với bình quân 10 tháng năm 2022.

Tháng 10/2023, trong mức giảm 0,43% của CPI so với tháng trước, có 07 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, 03 nhóm hàng có chỉ số giá tăng và 01 nhóm có chỉ số ổn định, không có biến động. Cụ thể:

Chỉ số giá nhóm giao thông giảm sâu nhất 1,54%, tác động làm CPI chung giảm 0,14 điểm phần trăm do giá bán xăng trong nước được điều chỉnh giảm 4,37%, giá dầu diesel giảm 0,72% so với tháng trước. Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,62%, tác động làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm. Trong tháng, sản lượng thịt bò, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm tăng cao do hầu hết đã đến lứa xuất chuồng tạo nên nguồn cung dồi dào cho thị trường, trong khi sức mua của người dân ổn định, ở một số mặt hàng sức tiêu thụ còn khá chậm, do đó giá bán các mặt hàng này đều được điều chỉnh giảm để kích cầu người tiêu dùng³. Tiếp theo là nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,55%, do các trung tâm, cửa hàng giảm giá, bán thanh lý các mặt hàng điện thoại di động đời cũ; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,30%, tác động tới CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm do nhu cầu tiêu thụ điện, nước sinh hoạt trong tháng giảm, giá bán thép, cát xây dựng giảm so với tháng trước; nhóm đồ uống

² CPI tháng Một tăng cao nhất với 7,28%, sau đó giảm dần đến tháng Chín giảm ở mức -0,46% và tháng Mười CPI giảm xuống còn -0,53%

³ Giò thịt lợn hơi giảm 3,71%; giò thịt bũ giảm 1,49%; giò thịt gia cầm giảm 0,09%; giò trứng cóc loại giảm 5,89%.

và thuốc lá giảm 0,30%... Ở chiều ngược lại, nhu cầu sử dụng các dịch vụ cho cá nhân, hiếu hỉ trong tháng tăng, làm cho chỉ số nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,61%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,08% do giá bán các sản phẩm thời trang đầu mùa tăng nhẹ; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,03%.

Bình quân 10 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,62% so với cùng kỳ. Tác động lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,58% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI tăng 1,53 điểm phần trăm do các giá mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng mạnh. Việc điều chỉnh mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022-2023 làm chỉ số giá của nhóm nhóm giáo dục tăng 7,59% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 0,49 điểm phần trăm. Các nhóm còn lại cũng ghi nhận mức tăng như: nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,07%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,03%; nhóm đồ uống và thuốc lá, tăng 4,85%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,59%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,69%... Yếu tố chính kiềm chế mức tăng của CPI trong 10 tháng đầu năm là nhóm giao thông, giảm 4,70%, tác động làm CPI giảm 0,44%. Tính từ đầu năm đến nay đã có 30 lần điều chỉnh giá xăng trong đó có 16 lần điều chỉnh tăng giá và 13 lần điều chỉnh giảm giá và 01 lần giữ nguyên. Tính chung 10 tháng, giá nhiên liệu trong nước đã giảm 11,32% so với cùng kỳ năm, trong đó, xăng giảm 12,96%, dầu diesel giảm 13,36%.

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 10/2023, chỉ số giá vàng tăng 1,42% so với tháng trước, tăng 6,55% so với tháng 12/2022 và tăng 9,07% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng đầu năm 2023 giá vàng tăng 2,23%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,37% so với tháng trước; tăng 0,16% so với tháng 12/2022; tăng 2,44% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng đầu năm 2023 giá USD tăng 1,23%.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Thị trường bất động sản trầm lắng, các địa phương gặp khó khăn trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành đã tác động không nhỏ tới kết quả thu ngân sách nhà nước. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tính đến 15/10/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 19.275,4 tỷ đồng, giảm 27,11% so với cùng kỳ, bằng 59,62% dự toán giao đầu năm, giảm sâu nhất ở các khoản thu từ nhà đất (đạt 1.148,9 tỷ đồng) bằng 38,68% so với cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đạt 10.820,1 tỷ đồng, chiếm 56,13% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm 26,87%, tác động làm thu nội địa giảm 26,87% (đạt 15.495,7 tỷ đồng). Thu từ Hải quan đạt 3.749,87 tỷ đồng, giảm 28,36% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/10/2023 đạt 19.883,3 tỷ đồng, tăng 15,42% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 11.267,8 tỷ đồng, tăng 18,90%; chi thường xuyên đạt 8.542 tỷ đồng, tăng 10,74% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Tín dụng toàn địa bàn tháng 10/2023 tăng trưởng thấp so với cùng kỳ năm trước do sau thời gian dài kinh tế gặp khó khăn, mức độ rủi ro bị đánh giá cao hơn, trong khi hoạt động của doanh nghiệp khó chứng minh hiệu quả bởi phần lớn là các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính, quản trị điều hành còn hạn chế, do đó các tổ chức tín dụng gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra quyết định cho vay đối với các đối tượng này. Để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, các ngân hàng thương mại đã thực hiện các biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất, đặc biệt là giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (mức giảm từ 1,5-2%/năm). Lãi suất cho vay tháng 10/2023 trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/10/2023 đạt 120.000 tỷ đồng, tăng 9,51% so với cuối năm 2022. Nguồn vốn huy động những tháng cuối năm có tín hiệu tăng trưởng tích cực ở cả nguồn tiền gửi từ các tổ chức kinh tế (TCKT) và tiền gửi tiết kiệm: Tiền gửi các TCKT ước đạt 41.520 tỷ đồng, tăng 5,07% so với cuối năm 2022, chiếm 34,6% tổng nguồn vốn huy động; tiền gửi tiết kiệm đạt 78.000 tỷ đồng, tăng 12,58% so với cuối năm 2022, chiếm 65% tổng nguồn vốn huy động. Ngoài nguồn vốn huy động tại địa phương, các TCTD trên địa bàn nhận vốn điều hoà từ Hội sở chính để tăng nguồn, bù đắp thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/10/2023 đạt 122.000 tỷ đồng, tăng 5,36% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 86.000 tỷ đồng, chiếm 70,49% tổng dư nợ, tăng 3,52%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 36.000 tỷ đồng, tăng 10,04% so với cuối năm 2022. Theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn, ước đạt 69.325 tỷ đồng, chiếm 56,82% tổng dư nợ, khu vực doanh nghiệp ước đạt 52.500 tỷ đồng, chiếm 43,03% tổng dư nợ tăng 7,62% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 970 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,79% trên tổng dư nợ.

Tính đến ngày 30/9/2023, chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo Nghị định 31 và Thông tư 03 đã hỗ trợ

cho 71 khách hàng, với số tiền hỗ trợ lên đến 30,37 tỷ đồng. Kết quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội của ngân hàng CSXH tỉnh: cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi với số tiền 1,52 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính và thiết bị học trực tuyến đạt 6,98 tỷ đồng; cho vay mua, thuê mua nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 212,45 tỷ đồng; cho vay cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với số tiền 4,49 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 31/10/2023, toàn tỉnh có 1.152.185 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 247.147 người tham gia BHXH, chiếm 42,94% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 229.447 người; BHXH tự nguyện: 17.700 người); tham gia BH thất nghiệp có 221.070 người, chiếm 38,4% lực lượng lao động; tham gia BHYT có 1.136.494 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,9% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 5.286,3 tỷ đồng, đạt 81,7% kế hoạch giao và tăng 13,03% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng: Trong 10 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 597 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 11.604 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 118.287 lượt người; lập danh sách chi trả cho 10.890 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

Tình hình một số bệnh truyền nhiễm: Ngành Y tế của tỉnh đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành liên quan thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động phòng, chống dịch bệnh. Về số ca mắc các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh so với tháng trước là: 416 ca Cúm, giảm 10 ca; 09 ca Viêm gan vi rút B, giảm 06 ca; 83 ca Tiêu chảy, tăng 23 ca; 233 ca mắc Sốt xuất huyết, tăng 165 ca; 151 ca Tay - Chân - Miệng, tăng 110 ca... các ca mắc đều được các cơ sở y tế thực hiện điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra. Về dịch bệnh Covid trong tháng phát sinh 25 ca, giảm 55 ca so với tháng trước, không ghi nhận trường hợp tử vong do Covid-19.

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP): Trong kỳ, ngành Y tế và UBND các cấp đã tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát được 525 lượt cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm: số cơ sở đạt 468 cơ sở, chiếm tỷ lệ 89,14 %; số cơ sở bị xử lý vi phạm: 03 cơ sở với số tiền phạt: 8.000.000 đồng; số cơ sở đang đợi giải trình: 06 cơ sở; số cơ sở nhắc nhở: 49 cơ sở. Tiến hành xét nghiệm 544 mẫu thực phẩm, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến đầu tháng 10: Lũy tích có 4.856 người nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ

khẩu tại tỉnh là 2.287 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.332 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.533 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.105 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 905 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống có hộ khẩu tại tỉnh là 1.382 người. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.160 bệnh nhân.

6.2. Giáo dục và đào tạo

Ngày 2/10/2023, Sở GD&ĐT đã tổ chức lễ phát động Tuần lễ học tập suốt đời năm 2023 với chủ đề "Xây dựng năng lực tự học trong kỷ nguyên số". Tuần lễ này diễn ra từ ngày 2 đến 8/10 nhằm thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng năng lực tự học trong kỷ nguyên số, bao gồm nhiều hoạt động như: cung cấp nguồn tài nguyên giáo dục mở, nâng cao trang thiết bị và học liệu cho thư viện; tăng cường vai trò của trường đại học và cao đẳng trong cung cấp nguồn tài nguyên học liệu; tổ chức lớp tập huấn về kỹ năng tìm kiếm thông tin, khuyến khích sáng tạo cộng đồng số và công dân số.

Đề tiếp nối thành tích giáo dục mũi nhọn của năm học 2022-2023⁴, ngày 17/10/2023, Sở GD&ĐT Vĩnh Phúc đã có quyết định số 1112/QĐ-SGDĐT ngày về việc thành lập 10 đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp THPT năm học 2023-2024. Theo đó có 98 học sinh trong 10 đội tuyển Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Văn, Sử, Địa, Tiếng Anh và Tiếng Pháp. Đây là năm học có số học sinh tham dự cao nhất từ trước đến nay, tăng 6 em so với năm học trước.

6.3. Văn hóa, thể thao

Các sự kiện, lễ hội, chương trình, phong trào văn hóa, được tổ chức rộng rãi tại nhiều địa phương trong tỉnh tiêu biểu như cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện chủ trương xây dựng “Làng văn hóa kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh.

Các hoạt động thể thao diễn ra sôi nổi trên địa bàn tỉnh như: Giải vô địch Vật cổ điển, Vật tự do Quốc gia năm 2023, tham dự giải có hơn 300 vận động viên của 19 đội đến từ các tỉnh, thành, ngành; cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng lần thứ X năm 2023 có 16 môn thi đấu, với trên 3.500 vận động viên là học sinh phổ thông, học sinh Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên tham gia, tranh tài 231 bộ huy chương; hội thao chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống các Ban xây dựng Đảng và văn phòng cấp ủy, hội thao đã thu hút 778 vận động viên thuộc 43 đoàn đến từ các Chi, Đảng bộ thuộc Đảng ủy Khối.

6.4. An ninh, trật tự, giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

⁴ Năm học 2022-2023, Vĩnh Phúc có 92 học sinh dự thi chọn Học sinh giỏi THPT cấp quốc gia, đạt 79 giải với tỷ lệ là 85.86%. Trong đó em Vũ Thế Anh đoạt Huy chương Đồng Olympic quốc tế môn Sinh học, giáo dục mũi nhọn Vĩnh Phúc giữ vững vị trí top đầu cả nước về thi học sinh giỏi quốc gia.

Tình hình an ninh trật tự: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Trong tháng, Công an tỉnh đã triển khai nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen, cướp giật, trộm cắp... Tính đến ngày 14/10/2023, toàn tỉnh xảy ra 437 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, làm 183 người bị thương, 05 người chết thiệt hại tài sản 71,8 tỷ đồng, đã điều tra làm rõ 410 vụ, với 868 đối tượng bị bắt giữ, thu hồi tài sản trị giá 16,6 tỷ đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng Mười, toàn tỉnh xảy ra 27 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 11 người chết; số người bị thương 31 người; 10 tháng đầu năm, xảy ra 58 vụ, làm 32 người chết và 64 người bị thương, so với cùng kỳ, số vụ tai nạn tăng 28 vụ, số người chết tăng 11 người, số người bị thương tăng 49 người.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 66 vụ vi phạm môi trường (VPMT); số vụ đã xử lý là 66 vụ với số tiền xử phạt là 68,65,0 triệu đồng. Lũy kế 10 tháng đầu năm phát hiện 319 vụ, số tiền xử phạt là 2,7 tỷ đồng, tăng 9,62% về số vụ và tăng 5,35% về số tiền xử phạt./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK (b/c)
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh (b/c);
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong